



Bảng dữ liệu an toàn

Số 98VN1

Phiên bản SDS: 1.0




Ngày sửa đổi: 2025-01-01

Ngày in: 2025-02-18

1. HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên hóa học: Keo PU
Tên khác: -
Mã sản phẩm: 98VN1
Khuyến nghị và hạn chế sử dụng: Xem Bảng dữ liệu kỹ thuật.
Tên, địa chỉ và số điện thoại của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NHỰA ĐÔNG LẠNH 35, Đường 34, Khu công nghiệp Đài Trung, Đài Trung, Đài Loan, Trung Hoa Dân Quốc (886)-4-23587676 số fax: (886)-4-23581291
Số điện thoại/số fax liên lạc khẩn cấp: (886)-4-23587676 / (886)-4-23581291
Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm về Bảng dữ liệu an toàn: tw2499@greco.com.tw

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại nguy cơ hóa chất: Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008 Flam. Liq. 2;H225 Kích ứng mắt. 2A;H319 STOT RE 2;H373	Chất lỏng và hơi dễ cháy. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Các cơ quan đích cụ thể: (Không có sẵn)
Nội dung nhãn: Theo Quy định (EC) số 1272/2008 Biểu tượng:	<div> Ngọn lửa</div> <div> Dấu chấm than</div> <div> Nguy cơ sức khỏe</div>
Từ tín hiệu: Nguy hiểm	
Tuyên bố nguy hiểm: H225 Chất lỏng và hơi dễ cháy. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.	

H373 Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Các tuyên bố phòng ngừa:

[Phòng ngừa]:

P210 Tránh xa nguồn nhiệt / tia lửa / ngọn lửa trần / bề mặt nóng - Cấm hút thuốc.

P233 Đậy kín nắp hộp đựng.

P235 Giữ mát.

P240 Nối đất/liên kết container và thiết bị tiếp nhận.

P241 Sử dụng thiết bị điện / thông gió / đèn / thiết bị chống cháy nổ.

P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không phát tia lửa.

P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.

P260 Không hít phải sương/hơi/bụi xịt.

P264 Rửa sạch sau khi xử lý.

P280 Đeo găng tay bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

[Phản ứng]:

P301+310 NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/bác sĩ chuyên khoa.

P303+361+353 NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước hoặc tắm.

P305+351+338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ tháo - tiếp tục rửa.

P314 Hãy đi khám/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P331 KHÔNG được gây nôn.

P332+313 Nếu bị kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/chăm sóc y tế.

P337+313 Nếu tình trạng kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy đi khám bác sĩ/chăm sóc y tế.

P370+378 Trong trường hợp hỏa hoạn: Sử dụng các phương tiện chữa cháy được liệt kê trong phần 5 của SDS để dập tắt.

[Kho]:

P403+235 Bảo quản nơi thoáng mát.

P405 Cửa hàng đã bị khóa.

[Thải bỏ]:

P501 Vứt bỏ nội dung/vỏ hộp theo quy định của địa phương/quốc gia.

Xem Bảng dữ liệu kỹ thuật.

Các mối nguy hiểm khác: Sản phẩm này không chứa hóa chất PBT/vPvB.

3. THÔNG TIN NHẬN DẠNG THÀNH PHẦN

Nếu sản phẩm chứa các chất gây nguy hiểm theo Quy định (EC) số 1272/2008 [CLP/GHS] (được sửa đổi bởi (EU) 2015/830), chúng sẽ được liệt kê dưới đây.

HỖN HỢP:

Tính chất hóa học:

Tên hóa học	Số CAS	Sự tập trung hoặc sự tập trung phạm vi (% của nội dung)	Phân loại theo quy định EC số 1272/2008*	Ghi chú
Metyl etyl xeton	Số CAS: 78-93-3 Số EC Số chỉ mục:	40 - 55	Flam. Liq. 2;H225 Đập Mất. 2A;H319 STOT RE 2;H373	[1][2]
Aceton	Số CAS: 67-64-1 Số EC Số chỉ mục:	13 - 28	Flam. Liq. 2;H225 Đập Mất. 2A;H319	[1][2]
Nhựa Polyurethane	Số CAS: 9009-54-5 Số EC Số chỉ mục:	14 - 18		
Etyl axetat	Số CAS: 141-78-6 Số EC Số chỉ mục:	8 - 23	Flam. Liq. 2;H225 Đập Mất. 2A;H319	[1][2]
<p>³¹CLP Tham chiếu EC số 1272/2008 1.1.3.1. Ghi chú liên quan đến việc nhận dạng, phân loại và dán nhãn các chất (Bảng 3.1).</p> <p>Theo đoạn (i) của §1910.1200, danh tính hóa học cụ thể và/hoặc tỷ lệ phần trăm chính xác (nồng độ) của thành phần đã được giữ lại như một thương mại bí mật.</p> <p>[1] Chất được phân loại là có nguy cơ gây hại cho sức khỏe hoặc môi trường.</p> <p>[2] Chất có giới hạn phơi nhiễm tại nơi làm việc.</p> <p>*Toàn văn các cụm từ được hiển thị ở Phần 16.</p>				

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các đường tiếp xúc khác nhau:
Tổng quan : Trong mọi trường hợp nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng vẫn tiếp diễn, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người đang bất tỉnh.
Hít vào: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi. Nếu thở không đều hoặc ngừng thở, hãy hô hấp nhân tạo. Nếu bất tỉnh, hãy đặt nạn nhân ở tư thế hồi sức và tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức. Không cho nạn nhân ăn uống gì.
Tiếp xúc với da: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc sử dụng chất tẩy rửa da được công nhận.
Giao tiếp bằng mắt:

Rửa thật nhiều bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút, giữ mí mắt tách ra và tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Tiêu hóa:

Nếu vô tình nuốt phải, hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức. Giữ cơ thể nghỉ ngơi. KHÔNG gây nôn.

Các triệu chứng quan trọng nhất và tác động nguy hiểm:

Tổng quan :

Xem phần 2 để biết thêm chi tiết.

Hít vào:

Có thể gây hại nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp. (Không được CLP của EU thông qua)

Giao tiếp bằng mắt:

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Tiếp xúc với da:

Gây kích ứng da nhẹ. (Không được CLP của EU chấp nhận)


Sự bảo vệ của người sơ cứu:

Cần thực hiện sơ cứu ở khu vực an toàn với thiết bị bảo hộ cấp C.

Lưu ý cho bác sĩ:

Điều trị triệu chứng

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

<p>Phương tiện chữa cháy phù hợp:</p> <p>Phương tiện chữa cháy được khuyến nghị: bột chống cồn, CO2, bột, nước phun.</p>	<p>Xếp hạng NFPA</p> <p>Sức khỏe (màu xanh): 1</p> <p>Lửa (đỏ) :3</p> <p>Độ phản ứng (màu vàng): 0</p> <p>Đặc biệt (màu trắng) :--</p> 
<p>Trong quá trình chữa cháy có thể gặp phải những mối nguy hiểm đặc biệt:</p> <p>Phân hủy nguy hiểm: Cacbon Dioxid, Cacbon Monoxide</p> <p>Tránh xa nguồn nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/bề mặt nóng - Không hút thuốc.</p> <p>Đậy kín hộp đựng.</p> <p>Giữ mát.</p> <p>Nối đất/liên kết container và thiết bị tiếp nhận.</p> <p>Sử dụng thiết bị điện / thông gió / đèn / thiết bị chống cháy nổ.</p> <p>Chỉ sử dụng các công cụ không phát ra tia lửa.</p> <p>Thực hiện các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.</p> <p>Không hít phải sương/hơi/bụi xịt.</p>	
<p>Phương pháp chữa cháy đặc biệt:</p> <p>Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp và sử dụng máy thở tự cung cấp. Xem mục 8.</p>	
<p>Thiết bị và biện pháp bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa:</p> <p>Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem phần 8).</p>	

6. BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TAI NẠN

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:

Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem phần 8).

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:

Không để chất lỏng tràn vào cống rãnh hoặc đường thủy.

Thực hiện vệ sinh cá nhân tốt. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Cởi bỏ quần áo bẩn ngay lập tức và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Phương pháp làm sạch:

Sự cố tràn nhỏ: Hấp thụ sự cố tràn bằng vermiculite hoặc vật liệu trơ khác, sau đó cho vào thùng chứa hóa chất rác thải.

Tràn đổ lớn: Xả sạch khu vực bị tràn bằng vòi phun nước. Ngăn không cho nước chảy vào cống, rãnh hoặc suối. Đắp đê để xử lý sau.

7. BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ AN TOÀN

Xử lý:

Tránh tiếp xúc với mắt. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Mang thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp.

Xem phần 2 để biết thêm chi tiết. - [Phòng ngừa]:

Kho :

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nhiệt độ quá cao. Luôn đậy kín hộp khi không sử dụng.

Vật liệu không tương thích: Chất oxy hóa mạnh

Xem phần 2 để biết thêm chi tiết. - [Lưu trữ]:

8. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TIẾP XÚC

Kiểm soát kỹ thuật:					
Đảm bảo thông gió đầy đủ. Nếu có thể, nên thực hiện bằng cách sử dụng hệ thống thông gió hút cục bộ và hệ thống hút bụi tổng thể tốt. Nếu các biện pháp này không đủ để duy trì nồng độ các hạt và hơi dưới ngưỡng phơi nhiễm nghề nghiệp, cần phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp.					
Ngăn ngừa sự tích tụ điện tích tĩnh bằng cách sử dụng các kỹ thuật liên kết và nối đất thông thường.					
Các thông số kiểm soát					
Nguyên liệu	thời gian 8 giờ trung bình có trọng số giới hạn phơi nhiễm	Tiếp xúc ngắn hạn giới hạn	Độ phơi sáng tối đa giới hạn	Các quy định khác	
141-78-6 / Etyl axetat	400 ppm TWA; 1440 mg/m3 TWA	500 ppm 1440 mg/m3	Không có sẵn thông tin	ACGIH TWA: 150 ppm	
				NIOSH TWA 400 ppm (1400 mg/m3)	
67-64-1 / Aceton	200 ppm TWA; 475 mg/m3 TWA	250 ppm 593,75 mg/m3	Không có sẵn thông tin	ACGIH TWA: 500 ppmSTEL: 750 ppm	
				NIOSH 250 ppm (590 mg/m3) TWA	
78-93-3 / Metyl etyl xeton	200 ppm TWA; 590 mg/m3 TWA	250 ppm 737,5 mg/m3	Không có sẵn thông tin	ACGIH TWA: 50 ppmSTEL: 100 ppm	
				NIOSH TWA 200 ppm (590 mg/m3) ST 300 ppm (885	

					mg/m3)
9009-54-5 / Nhựa Polyurethane Không có sẵn		Không có sẵn	Không có sẵn	ACGIH Không có thông tin có sẵn	
	thông tin	thông tin	thông tin	NIOSH Không có thông tin có sẵn	
Nguyên liệu		TẠI			
141-78-6 / Etyl axetat		Không có thông tin có sẵn			
67-64-1 / Aceton		Acetone nước tiểu 50mg/L (Ns)			
78-93-3 / Metyl etyl xeton		MEK trong nước tiểu sau khi làm việc là 2mg/L (Ns)			
9009-54-5 / Nhựa Polyurethane		Không có thông tin có sẵn			
Thiết bị bảo hộ cá nhân: Bảo vệ hô hấp: Nếu công nhân tiếp xúc với nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng mặt nạ phòng độc được chứng nhận phù hợp.					
Bảo vệ tay: Nên sử dụng găng tay bảo hộ.					
Bảo vệ mắt: Đeo kính an toàn có tấm chắn hai bên để bảo vệ mắt. Nên sử dụng trạm rửa mắt như một biện pháp tốt tại nơi làm việc.					
Bảo vệ da và cơ thể: Tránh tiếp xúc với da.					
Biện pháp vệ sinh: Thực hiện các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Cởi bỏ quần áo bẩn ngay lập tức và giặt sạch trước khi mặc lại.					

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại hình (trạng thái, màu sắc, v.v.): Chất lỏng dạng gel trong suốt màu trắng	Mùi : cay nồng
Ngưỡng mùi: Không có thông tin có sẵn	Điểm nóng chảy: -94,6 ~ -83°C
Giá trị pH: Không có thông tin có sẵn	Điểm sôi / Khoảng sôi: 56,2°C
Tính dễ cháy (rắn, lỏng): Không có thông tin có sẵn	Điểm bùng phát : Phương pháp thử nghiệm (Mở cốc hoặc Đóng cốc) : <23°C, Đóng cốc
Nhiệt độ phân hủy: Không có thông tin có sẵn	Giới hạn nổ: 1,8% - 12,8%
Nhiệt độ tự bốc cháy: 404°C	Mật độ hơi: 2 - 3.04 (Không khí =1)
Áp suất hơi:	Độ hòa tan:

73 - 180mmHg	Ít tan trong nước
Tỉ trọng : 1 (H2O=1)	Tốc độ bay hơi: Không có thông tin có sẵn
Hệ số phân chia octanol/nước : Không có thông tin có sẵn	Tính chất nổ: Không có thông tin có sẵn
Độ nhớt: 1800 - 2200cP	Tính chất oxy hóa: Không có thông tin có sẵn

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng phản ứng: Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.
Độ ổn định hóa học: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong những điều kiện cụ thể: Chất oxy hóa mạnh (Ví dụ: peroxit, nitrat, axit perchloric): nguy cơ cháy nổ có thể tăng lên.
Các điều kiện cần tránh: Tránh nhiệt độ vượt quá điểm bắt lửa. Tiếp xúc với vật liệu không tương thích.
Vật liệu cần tránh: Chất oxy hóa mạnh
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Cacbon điôxít, Cacbon monoxit

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Đường lây nhiễm/triệu chứng:		
Tuyến đường tiếp xúc	Thế loại Triệu chứng	
Giao tiếp bằng mắt	2	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng, chảy nước mắt.
STOT-phơi nhiễm lặp lại	2	Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc trong thời gian dài hoặc lặp đi lặp lại. Các cơ quan đích cụ thể: (Không có sẵn)

Độc tính cấp tính

Nguyên liệu	LD50 qua đường uống, mg/kg	Da LD50, mg/kg	Hít vào Hơi LC50, mg/L/4 giờ	Hít vào Bụi/Sương mù LC50, mg/L/4 giờ	Hít vào Khí LC50, ppm
Etyl axetat - (141-78-6)	5.600,00, Chuột - Thế loại: NA	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	16.000,00, Chuột - Thế loại: NA
Aceton - (67-64-1)	5.800,00, Chuột - Thế loại: NA	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	50.100,00, Chuột - Thế loại: NA

Metyl etyl xeton - (78-93-3)	2.740,00, Chuột - Thẻ loại: 5	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin
Nhựa Polyurethane - (9009-54-5)	2.193,00, Chuột - Thẻ loại: 5	3.001,00, Thỏ - Thẻ loại: 5	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin	Không có sẵn thông tin
Lưu ý: Khi không có dữ liệu LD50 cụ thể theo đường dùng cho độc tố cấp tính, ước tính điểm độc tính cấp tính đã chuyển đổi sẽ được sử dụng để tính toán ATE (Ước tính độc tính cấp tính) của sản phẩm.					

Dữ liệu về chất gây ung thư			
Số CAS	Nguyên liệu	Nguồn	Giá trị
141-78-6	Etyl axetat	Chất gây ung thư được OSHA quy định: Không	
		NTP đã biết: Không; Nghi ngờ: Không	
		Nhóm 1 của IARC: Không; Nhóm 2a: Không; Nhóm 2b: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;	
67-64-1	Aceton	Chất gây ung thư được OSHA quy định: Không	
		NTP đã biết: Không; Nghi ngờ: Không	
		Nhóm 1 của IARC: Không; Nhóm 2a: Không; Nhóm 2b: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;	
78-93-3	Metyl etyl xeton	Chất gây ung thư được OSHA quy định: Không	
		NTP đã biết: Không; Nghi ngờ: Không	
		Nhóm 1 của IARC: Không; Nhóm 2a: Không; Nhóm 2b: Không; Nhóm 3: Không; Nhóm 4: Không;	
9009-54-5	Nhựa Polyurethane	Chất gây ung thư được OSHA quy định: Không	
		NTP đã biết: Không; Nghi ngờ: Không	
		Nhóm IARC 1: Không; Nhóm 2a: Không; Nhóm 2b: Không; Nhóm 3: Có; Nhóm 4: Không;	

Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài: Không có thông tin có sẵn

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính sinh thái				
Không có thông tin bổ sung nào được cung cấp cho sản phẩm này. Xem Phần 3 để biết dữ liệu cụ thể về hóa chất.				
Nguyên liệu	Cá LC50 96 giờ, mg/l	giáp xác EC50 48 giờ, mg/l	Tảo ErC50, mg/l	Khả năng phân hủy sinh học %
Etyl axetat - (141-78-6)	Không có thông tin có sẵn	Không có thông tin có sẵn	Không có thông tin có sẵn	Không có thông tin có sẵn
Aceton - (67-64-1)	8.300,00,	10.00,	Không có thông tin có sẵn	Không có sẵn
Metyl etyl xeton - (78-93-3)	1.690,00,	Không có thông tin có sẵn	Không có thông tin có sẵn	Không có thông tin có sẵn
Nhựa Polyurethane - (9009-54-5)	4.600,00, Cá	0,00, Daphnia magna 2.029,00 (96 giờ), Tảo		Sẵn sàng

				có thể phân hủy sinh học
--	--	--	--	--------------------------

Sự tồn tại và suy thoái:

Không có dữ liệu nào về chế phẩm này.

Sự tích tụ của sinh vật:

Không có thông tin có sẵn

Di chuyển qua đất, Koc:

Không có thông tin có sẵn

Những tác động tiêu cực khác:

Không có thông tin có sẵn

13. BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Phương pháp xử lý chất thải:

Tuân thủ mọi quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương khi thải bỏ chất này.

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

	DOT (Bề mặt trong nước Vận tải)	IMO / IMDG (Đại dương Vận tải)	ICAO/IATA
Số Liên Hợp Quốc (UN KHÔNG)	UN1133	UN1133	UN1133
Tên vận chuyển riêng của Liên Hợp Quốc UN1133, Chất kết dính, chứa chất lỏng dễ cháy, 3, II		Chất kết dính, chứa chất lỏng dễ cháy, 3, II	Chất kết dính, chứa chất lỏng dễ cháy, 3, II
Phân loại nguy cơ vận chuyển	Cấp độ nguy hiểm của DOT: 3	IMDG: 3 Lớp con: Không Áp dụng	Hạng không quân: 3
Nhóm đóng gói	II	II	II
Chất gây ô nhiễm đại dương (Có/Không)	KHÔNG		
Các biện pháp vận chuyển cụ thể kiện phòng ngừa nào:	Không có thông tin và điều		

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Quy định áp dụng:

Luật pháp EU:

QUY ĐỊNH (EU) 2015/830 sửa đổi Quy định (EC) số 1907/2006 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng liên quan đến Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất (REACH).

Luật pháp Đài Loan:

Luật An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, Quy định về Nhãn và Truyền thông Nguy hiểm đối với Vật liệu Nguy hiểm và Có hại, Quy định về An toàn và Giao thông Đường bộ, Tiêu chuẩn Phương pháp và Cơ sở Lưu trữ, Dọn dẹp và Xử lý Chất thải Công nghiệp, Tiêu chuẩn Thiết lập Chất nguy hại Công cộng & Khí nén Dễ cháy & Quy định Kiểm soát An toàn, Tiêu chuẩn Giới hạn Phơi nhiễm Cho phép của Chất nguy hại trong Không khí tại Nơi làm việc.

16. THÔNG TIN KHÁC

Thẩm quyền giải quyết	1. Cục An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, Trang web Hệ thống Điều hòa Toàn cầu về Hóa chất GHS (http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx) 2. Cục Bảo vệ Môi trường thuộc Cục Hóa chất Độc hại thuộc Viện Hành chính (https://flora2.moeenv.gov.tw/toxicC/query/database.aspx) 3. Trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu. (http://echa.europa.eu/)
Công ty	Tên: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nhựa Great Eastern Địa chỉ / Điện thoại : Số 12, Đường Jingke Second, Quận Nam Đồn, Đài Trung, Đài Loan 40852 ROC / 04-2358-0919
Được chuẩn bị bởi	Chức danh: Nhà nghiên cứu Họ và tên (Chữ ký): Hoàng Thị Chính
Ngày phát hành	2025-01-01

Nhận xét	<p>Thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên những gì được cho là chính xác, đáng tin cậy và chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Greco không chịu trách nhiệm về bất kỳ kết quả nào thu được từ những người mà phương pháp của họ không thuộc quyền kiểm soát của Greco.</p> <p>Toàn văn các cụm từ xuất hiện trong phần 3 là:</p> <p>H225 Chất lỏng và hơi dễ cháy.</p> <p>H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.</p> <p>H373 Có thể gây tổn thương các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.</p>
----------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------